Phẩm 7: **PHÂN BIỆT TRÍ**

(Gồm 61 Tụng)

1. Nhẫn tuệ không phải trí
2. Tận, vô không phải kiến
3. Tuệ vô lậu cả hai
4. Đều trí, tuệ, kiến, tánh.
5. Mười trí gồm hai loại
6. Hữu vô lậu khác biệt
7. Thế tục thuộc hữu lậu
8. Pháp, loại gọi vô lậu
9. Thế tục biến khắp cảnh
10. Pháp trí và loại trí
11. Duyên cõi Dục, cõi trên
12. Lấy khổ đế v.v... làm cảnh.
13. Pháp loại do cảnh khác
14. Nên lập bốn tên: Khổ v.v...
15. Gồm Tận, Vô sinh trí
16. Trước chỉ có khổ, tập.
17. Pháp, loại, đạo, thế trí
18. Tạo nên tha tâm trí
19. Căn, địa, vị, thù thắng
20. Đời sau sẽ không biết
21. Pháp, loại không biết nhau.
22. Thanh văn, Bích chi, Phật
23. Thứ tự biết kiến đạo
24. Hai, ba tất cả niệm.
25. Đối với bốn Thánh đế
26. Biết rằng mình đã biết v.v...
27. Không còn cần phải biết v.v...
28. Thứ tự Tận, Vô sinh.
29. Do tự tánh đối trị
30. Hành tướng, cảnh hành tướng
31. Gia hạnh, đầy đủ nhân
32. Nên lập thành mười trí.
33. Pháp trí duyên diệt, đạo
34. Ở giai đoạn tu đạo
35. Kiêm tu đoạn cõi trên

36. Loại không trị Dục giới.
37. Pháp trí và loại trí
38. Có mười sáu hành tướng
39. Đời có đây và khác
40. Bốn đế có bốn thứ
41. Tha tâm trí vô lậu
42. Chỉ bốn thứ duyên đạo
43. Hữu lậu duyên tự tướng
44. Hai thứ duyên một sự
45. Tận, vô có mười bốn
46. Không lìa "Không", vô ngã.
47. Tịnh không vượt mười sáu
48. Dựa luận này nên nói.
49. Hành tướng mười sáu pháp
50. Thể này chỉ là tuệ
51. Năng hành có sở duyên
52. Sở hành các pháp hữu.
53. Tục trí ba, chín thiện
54. Nương tất cả các địa
55. Tha tâm trí nương bốn
56. Pháp sáu, bảy khác, chín
57. Hiện khởi lên ở thân
58. Tha tâm nương Dục, Sắc
59. Pháp trí nương cõi Dục
60. Tám trí thông ba cõi.
61. Các trí thuộc niệm trụ
62. Diệt trí chỉ niệm cuối
63. Tha tâm ba niệm sau
64. Tám trí thông bốn niệm
65. Các trí duyên lẫn nhau
66. Pháp, loại, đạo có chín
67. Khổ, tập trí có hai
68. Bốn có mười, diệt không.
69. Sở duyên gồm mười pháp
70. Ba cõi và vô lậu
71. Vô vi có hai loại
72. Tục duyên mười pháp năm.
73. Loại bảy, khổ, tập sáu

74. Diệt duyên một, đạo hai
75. Tha tâm trí duyên ba
76. Mỗi tận, vô sinh chín.
77. Tục trí trừ phẩm tự
78. Duyên tất cả các pháp
79. Với hành tướng phi ngã
80. Do văn, tư thành tựu.
81. Phàm phu và bậc Thánh
82. Niệm đầu thành một trí
83. Niệm hai thành ba trí
84. Bốn niệm sau tăng một
85. Tu đạo được bảy trí
86. Lìa dục thêm tha tâm
87. Vô học độn, lợi căn
88. Thành tựu chín mười trí.
89. Kiến đạo nhẫn trí khởi
90. Cùng loại tu vị lai
91. Ba loại trí kiêm tu
92. Hiện quán biên tục trí
93. Không thuộc địa tự, hạ
94. Bốn khổ tập, sau diệt
95. Cảnh hành tướng tự đế
96. Chỉ được do gia hạnh.
97. Sát-na đầu tu đạo
98. Tu tu sáu hoặc bảy trí
99. Đoạn tám địa, vô gián
100. Các đạo "hữu dục", khác
101. Tám giải thoát Hữu Đảnh
102. Mỗi cõi tu bảy trí
103. Vô gián trên, cõi khác
104. Thứ tự tu sáu, tám.
105. Sát na đầu Vô học
106. Tu chín hoặc tu mười.
107. Vì lợi độn khác nhau.
108. Đạo thắng tiến cũng vậy.
109. Luyện căn đạo vô gián
110. Học sáu. Vô học bảy
111. Các học sáu, bảy, tám

112. Tu tám, chín, tất cả.
113. Tạp tu gồm vô gián
114. Hữu học: bảy tám, chín.
115. Các đạo học: tu tám,
116. Tu chín, hoặc tất cả.
117. Thánh khởi các công đức
118. Và dị sinh các bậc
119. Chỗ tu trí nhiều ít
120. Nên tư duy đúng lý.
121. Các đạo nương đây được
122. Tu hữu lậu địa này
123. Vì lìa, được khởi đây
124. Tu vô lậu đây, dưới.
125. Sơ tận tu tất cả
126. Đức hữu lậu chín địa
127. Khởi trên không tu dưới.
128. Từng được pháp không tu.
129. Lập được tu, tập tu
130. Nương pháp thiện hữu vi
131. Nương các pháp hữu lậu
132. Lập tu trị, tu khiển.
133. Mười tám pháp bất cộng
134. Là mười lực v.v... của Phật.
135. Xứ phi xứ mười trí
136. Nghiệp tám trừ diệt, đạo
137. Định, căn, giải, giới chín
138. Biến thú chín hoặc mười
139. Túc, sinh tử thuộc tục
140. Tận sáu hoặc mười trí
141. Trí túc trụ trí sinh tử
142. Nương tĩnh lự thông khác
143. Thân Phật ở Thiệm bộ
144. Không ngại đối với cảnh.
145. Lực thân Na-la-diên
146. Hoặc chi tiết cũng vậy
147. Tăng bằng mười, bảy voi
148. Có xúc này làm tánh.
149. Thứ tự bốn vô úy

150. Lực đầu, mười, hai, bảy.
151. Ba niệm ở niệm tuệ
152. Duyên cảnh nghịch, cảnh thuận.
153. Đại bi chỉ tục trí
154. Do cảnh, hành, tư lương
155. Bình đẳng và phẩm thượng
156. Khác bi do tám nhân.
157. Về tư lương pháp thân
158. Lợi tha Phật như nhau
159. Thọ lượng và chủng tánh v.v...
160. Chư Phật có khác nhau.
161. Pháp khác của Đức Phật
162. Chung bậc Thánh, phàm phu
163. Là vô tránh, Nguyện trí
164. Và đức vô ngại giải v.v...
165. Vô tránh thuộc thế tục
166. Sau tĩnh lự, bất động
167. Duyên ba châu chưa sinh
168. Cõi Dục "hoặc" "hữu sự".
169. Nguyện trí duyên tất cả
170. Điều khác như Vô tránh.
171. Vô ngại giải có bốn.
172. Là Pháp, Nghĩa, Từ, Biện
173. Duyên, danh, nghĩa, ngôn, đạo
174. Vô thoái trí làm tánh
175. Pháp từ chỉ tục trí
176. Nương tựa năm, hai địa
177. Nghĩa mười, sáu, biện chín
178. Đều nương tất cả địa
179. Nếu đắc tức bốn loài
180. Pháp khác như Vô tránh v.v...
181. Sáu đức nương biên tế v.v...
182. Sáu định biên tế sau
183. Tùy thuận đến cứu cánh
184. Ngoài Phật, gia hạnh được.
185. Sáu thông gọi thần cảnh
186. Thiên nhãn, nhĩ, tha tâm
187. Túc trụ và lậu tận

188. Thuộc giải thoát và tuệ
189. Bốn trí tha tâm năm
190. Lậu tận thông như lực
191. Năm nương bốn tĩnh lự
192. Địa tự, hạ làm cảnh
193. Thanh văn Bích chi Phật
194. Hai ba ngàn thế giới v.v...
195. Chưa từng do gia hạnh
196. Từng tu do lìa nhiễm.
197. Ba đầu thân, niệm trụ
198. Tha tâm ba, khác bốn
199. Thiên nhãn, nhĩ vô ký
200. Bốn thông khác chỉ thiện.
201. Ba minh, năm, hai sáu
202. Diệt si thuộc ba đời
203. Sau thực, hai loại giả
204. Hữu học ám, vô minh.
205. Một, bốn, sáu: thị đạo
206. Giáo giới là cao nhất.
207. Quyết do thông lập thành
208. Dẫn đến quả lợi ích.
209. Thể của "Thần" là định
210. Hai cảnh là hành, hóa
211. Ba hành: Ý thế Phật
212. Thông vận thân, thắng giải
213. Hóa có hai: Dục, Sắc
214. Tánh là bốn, hai xứ
215. Mỗi xứ có hai loại
216. Như tự, hóa thân Phật.
217. Tâm biến có mười bốn
218. Quả định hai đến năm
219. Như được định, chỗ dựa
220. Từ tịnh tự sinh hai
221. Sự hóa do tự địa
222. Ngữ cho địa tự, hạ
223. Hóa thân và hóa chủ
224. Ngữ đều không như Phật
225. Trước lập nguyện giữ thân

226. Sau khởi tâm phát ngữ
227. Khi chết lưu xan thể
228. Có người nói không lưu
229. Lúc đầu cần hóa tâm
230. Thành thục rồi thì khác
231. Tu đắc thuộc vô ký
232. Ngoài ra thông ba tánh.
233. Thiên nhĩ, nhãn là căn
234. Tịnh sắc thuộc tịnh địa
235. Luôn đồng phần không khuyết
236. Năm chướng, vi tế xa v.v...
237. Thần cảnh năm: tu, sinh
238. Chú, nghiệp, dược thành tựu
239. Tha tâm: Tu, sinh, chú
240. Cộng thêm chiêm tướng thành
241. Tu, sinh và nghiệp thành
242. Trừ tu, đều ba tánh
243. Cõi người không sinh đắc
244. Địa ngục mới hay biết.